

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2022/DSST
Ngày 30 tháng 6 năm 2022
(*V/v tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất theo di chúc*)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần hội đồng xét xử bao gồm:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà - Bà Chu Thị Xuyên .

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng, thư ký Tòa án Nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Luyện Văn Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 13/2021/TLST-DS ngày 23/4/2021 về việc “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:130/2022/QĐXX-ST, ngày 03/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26:/2022/QĐST-HPT ngày 17/6/2022.

Giữa:

*** Nguyên đơn:** Ông Lưu Xuân Đ- sinh năm 1961(Đã chết)

Trú tại: xóm N, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn:

+/ Bà Võ Thị Q, sinh năm 1962 (vợ ông Đ) - Có mặt.

Trú tại: xóm N, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An

+/ Chị Lưu Thị C, sinh ngày 02/9/1981 (Con ông Đ)

Trú tại: xóm N, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An

+/ Chị Lưu Thị B, sinh ngày 25/02/1985 (con ông Đ)

Trú tại: xóm N, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An

+/ Anh Lưu Đức T, sinh ngày 25/3/1988 (con ông Đ)

Trú tại: xóm N, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An

+/ Chị Lưu Thị T, sinh ngày 05/8/1990 (con ông Đ)

Trú tại: xóm N, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Lưu Thị C, chị Lưu Thị B, anh Lưu Đức T, chị Lưu Thị T: Bà Võ Thị Q, sinh năm 1962; Trú tại: xóm N, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Có mặt)

* **Bị đơn:** Ông Lưu Xuân Q - sinh năm 1972 (Vắng mặt, lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

Trú tại: xóm T, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Lưu Xuân K, sinh năm 1953.

Địa chỉ: 44A, thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bà Lưu Thị Đ; Địa chỉ: xóm Đ, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa, không có lý do)

- Bà Lưu Thị Q, sinh năm 1954 Địa chỉ: xóm Đ, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt)

- Bà Lưu Thị T, sinh năm 1958; Địa chỉ: xóm N, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Có mặt)

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1966.

- Anh Lưu Xuân K, sinh năm 1988.

Đều có địa chỉ: Số nhà 4, ngách 25, ngõ 207, đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

- Chị Lưu Thị V; Địa chỉ: xóm 3, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An(Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bố mẹ ông Lưu Xuân Đ là ông Lưu Xuân Y(Chết năm 1989), bà Võ Thị B (chết năm 2014), sinh được 06 người con gồm Lưu Thị Đ, Lưu Xuân Đ(đã chết năm 1995, ông Đ có vợ là Trần Thị H, con là Lưu Xuân Q, Lưu Thị V và Lưu Xuân K), Lưu Xuân K, Lưu Thị Q, Lưu Thị T và ông Lưu Xuân Đ. Tài sản của ông Y, bà B có một thửa đất số 1076, tờ bản đồ số 0 xã P; Địa chỉ thửa đất: xóm N(xóm T cũ), xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Diện tích sử dụng là 500m², trong đó có 200m² đất ở và 300m² đất vườn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa E979038 cho bà Võ Thị B vào ngày 12/4/1995 (nay là thửa đất số 313, tờ bản đồ số 113 xã P; Diện tích 712m²; Địa chỉ thửa đất: xóm N, xã P, huyện Y) và tài sản xây dựng trên thửa đất gồm 03 gian nhà cấp 4; 01 gian nhà bếp hướng Đông Bắc và 01 số cây cối như cây Dừa, cây Cau trồng trên thửa đất. Trước lúc bà B chết thì ngày 25/11/2014 bà đến Phòng công chứng TT tại Thị Trấn huyện Y, tỉnh Nghệ An lập di chúc để lại ½ diện tích đất (hướng Đông Bắc giáp nhà anh L) của thửa đất nêu trên là quyền lợi của bà B cho ông Lưu Xuân Đ(con út) được hưởng thừa kế. Năm 2016, con cháu bà B công bố di chúc thì ông Lưu Xuân Q con của ông Lưu Xuân Đ(đã chết) và một số người con, người cháu của bà Võ Thị B không nhất

trí. Ông Lưu Xuân Q đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản công chứng (Di chúc của bà B) vô hiệu. Bản án Tòa án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm đã xem xét đánh giá di chúc của bà Võ Thị B không có gì sai trái với qui định của pháp luật và đạo đức xã hội nên xử không chấp nhận yêu cầu của ông Lưu Xuân Q. Mặc dù bản án đã có hiệu lực nhưng ông Q và một số người con, người cháu của bà B cũng không nhất trí để ông Đ phải làm thủ tục sang tên quyền quyền sử dụng đất. Nên ông Lưu Xuân Đ khởi kiện yêu cầu yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc mà bà B đã lập ngày 25/11/2014. Nguyên đơn đề nghị chia cho ông Lưu Xuân Đ được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất (hướng Đông Bắc giáp nhà anh L) mà bà Võ Thị B đã lập di chúc vào ngày 25/4/2014 tại Văn phòng công chứng TT.

Bị đơn ông Lưu Xuân Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lưu Xuân K cho rằng di chúc do bà Võ Thị B lập tại phòng công chứng TT vào ngày 25/4/2014 là không hợp pháp, bà B không biết chữ nhưng có chữ ký trong di chúc, điểm chỉ trong di chúc của bà B là không tự nguyện, bà B lập di chúc trong tình trạng sức khỏe yếu không minh mẫn. Ông Lưu Xuân Q, ông Lưu Xuân K đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Xuân Đ về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị T, bà Lưu Thị Q con bà Võ Thị B trình bày và khẳng định rằng di chúc bà B lập tại phòng công chứng TT để lại $\frac{1}{2}$ diện tích đất (hướng Đông Bắc giáp nhà anh L) trong số diện tích đất 712m² là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật. Bà B lập di chúc trong tình trạng sức khỏe ổn định, tinh thần minh mẫn, không có sự miễn cưỡng ép buộc nên bà T, bà Q đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Xuân Đ về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc của bà Võ Thị B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Đ, chị Lưu Thị V, bà Trần Thị H, anh Lưu Xuân K đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng hợp lệ, yêu cầu họ có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng họ không hợp tác, cố tình vắng mặt, do đó Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai, trình bày của họ để lưu tại hồ sơ để giải quyết vụ án, nên Tòa án phải thu thập xác minh các tài liệu, chứng cứ khác để giải quyết vụ án theo qui định.

Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Thửa đất số 1076, tờ bản đồ số 0, xã P; Diện tích sử dụng là 500m², trong đó có 200m² đất ở và 300m² đất vườn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa E979038 cho bà Võ Thị B vào ngày 12/4/1995, nay là thửa đất số 313, tờ bản đồ số 113 xã P; Diện tích 712m²; Địa chỉ thửa đất: xóm N, xã P thì giới cận của thửa đất không có gì thay đổi, diện tích tăng lên 212m², xác minh lý do tăng diện tích tại chính quyền địa phương không phải do lấn chiếm đất của các thửa đất liền kề mà do kỹ thuật đo trước đây không chính xác. Trên phần đất mà bà B cho ông Đ được thừa kế (Hướng Đông Bắc giáp nhà anh L) có 05 cây cau, trong đó có 03 cây “Cau Cao” trị giá

300.000 đ/cây, 02 cây “Cau Lùn” trị giá 500.000 đồng/ cây, 01 cây dừa trị giá 500.000 đồng. Cạnh phía Bắc của phần đất được xây dựng hàng rào xây tấp lô dài 10,73m x cao 1,5m x 91.000 đ/m² = 1.464. 645 đồng; Móng đá hàng rào dài 15,43m m x cao 1m x rộng 0,3m x 648.000 đ/m³ = 2.999.592 đồng; 02 trụ cổng x 1.000.000 đ/ trụ = 2.000.000 đồng; Cổng sắt rộng 3,9m x cao 2,4m x 200.000 đ/m² = 1.872.000 đ . Nửa đất còn lại (Hướng Tây Bắc) có 03 gian nhà cấp 4 và 01 gian nhà bếp đã cũ (Hướng Đông bắc) và 04 cây Dừa .

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án nội dung vụ án như sau:

Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ đúng qui định tại khoản 5 Điều; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39 của BLTTDS. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán qui định tại Điều 48, Điều 203 của BLTTDS. Xác định tư cách tham gia tố tụng theo qui định tại Điều 68 của BLTTDS. Tiến hành thu thập xác minh chứng cứ theo qui định tại chương VII của BLTTDS, làm rõ tình tiết khách quan của vụ án, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ và lấy lời khai đương sự theo qui định Điều 95; Điều 98 của BLTTDS. Hòa giải theo qui định tại Điều 205 của BLTTDS. Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án đã để án quá hạn. Đã chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo qui định tại Điều 196 và Điều 220 của BLTTDS. Thư ký đã thực hiện đúng qui định tại điều 51 của BLTTDS. Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định tại Điều 243; 250; 251; 258; 260 và Điều 262 của BLTTDS .

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn người diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Tâm, bà Q người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng qui định tại điều 70; 71; 75; 76; 85; 86 và Điều 234 của BLTTDS. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác còn lại không chấp hành đầy đủ theo qui định tại Điều 72, Điều 73 của BLTTDS .

-Về nội dung: Căn cứ Điều 624, 625, 626, 627, điểm 3 Điều 628; điểm a, b khoản 1 Điều 630 và Điều 631 của Bộ luật dân sự.

Đề n nghị xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Xuân Đ về tranh chấp chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo di chúc đối với ông Lưu Xuân Q.

Chia cho ông Lưu Xuân Đ được quyền sử dụng thửa đất 313B (Hướng Đông Bắc giáp nhà anh L), có diện tích sử dụng 356m².

Buộc: Người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Đ phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị tiền hàng rào tấp lô, móng hàng rào tấp lô, 02 trụ cổng và giá trị 02 cánh cổng sắt cho ông Lưu Xuân Q theo kết quả của của Hội đồng định giá .

Giao 05 cây Cau trong đó 03 cây “Cau Cao”, 02 cây “Cau Lùn”, 01 Cây “Dừa” được trồng trên phần đất của ông Đ được hưởng thừa kế cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông Lưu Xuân Đ quản lý.

-Về án phí: Ông Đ, hộ gia đình thuộc hộ nghèo, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 329/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho họ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp di sản thừa kế theo di chúc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, được qui định tại khoản 5 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để giải quyết. Bị đơn chỉ chấp hành một lần duy nhất có mặt một lần trong quá trình mở phiên họp, hòa giải. Sau đó bị đơn và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn nguyên đơn có mặt, đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị T, bà Lưu Thị Q có mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác còn lại vắng mặt (ông K vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai người kế thừa quyền của nguyên đơn có mặt, đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn có mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị T, bà Lưu Thị Q có mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác còn lại tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Quá trình nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định rằng: Thửa đất số:1076, tờ bản đồ số 0 xã P; Diện tích sử dụng là 500m², trong đó có 200m² đất ở và 300m² đất vườn tại xóm N, xã P, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Võ Thị B vào ngày 12/4/1995 có số bìa phát hành E979038, nay là thửa đất số 313, tờ bản đồ số 113 xã P; Diện tích 712m²; Địa chỉ thửa đất: xóm N, xã P là di sản của ông Lưu Xuân Y và bà Võ Thị B. Ông Y chết không để lại di chúc không cho người nào được hưởng tài sản của mình, không có khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản

ông Y nên tòa án không xem xét giải quyết. Đối với bà Võ Thị B trước lúc chết thì ngày 25/11/2014 bà B đã đến phòng công chứng TT tại thị trấn Yên Thành lập di chúc để lại một nửa diện tích của thửa đất số:1076, tờ bản đồ số 0 xã P nay là 313, tờ bản đồ số 113 xã P(Phần đất hướng Đông - Bắc) là phần quyền lợi của bà của bà cho con trai út là ông Lưu Xuân Đ được hưởng thừa kế.

Sau khi công bố di chúc của bà B thì ông Lưu Xuân Q cháu nội của bà B không nhất trí, đã khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản công chứng (di chúc của bà Võ Thị B) vô hiệu nhưng không được tòa án cấp sơ thẩm và tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận. Bản án đã có hiệu lực nhưng ông Q và một số người con cháu của bà B vẫn tranh chấp không thống nhất được về việc giao di sản của bà B cho ông Đ được quyền sử dụng và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ông Đ khởi kiện vụ án yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc của bà B chết để lại đối với ông Lưu Xuân Q.

Xét yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc của ông Lưu Xuân Đ là hoàn toàn có căn cứ bởi lẽ những lý do sau:

[3]Về hình thức, nội dung của di chúc: Di chúc bà B được lập thành văn bản tại phòng công chứng TT trước mặt công chứng viên, quá trình lập di chúc thì trí tuệ của bà B minh mẫn, nhận thức được toàn bộ vấn đề đã ký tên điểm chỉ vào di chúc, điều này khẳng định hình thức của di chúc của bà B thực hiện đúng trình tự qui định của pháp luật. Ông Q, ông Khoa cho rằng di chúc lập trong trạng thái không minh mẫn, bà B không biết chữ mà có chữ ký tại bản di chúc, chữ viết trong di chúc là không hợp pháp, bà B điểm chỉ vào di chúc là không tự nguyện. Xét trình bày của ông Q, ông K là không có căn cứ, tài liệu chứng minh chỉ là trình bày bằng miệng, suy luận chủ quan của ông Q và ông K. Việc đánh giá di chúc của bà Võ Thị B không vô hiệu đã được án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm nhận định, phân tích tại bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2018/DSST ngày 27/3/2018 của TAND huyện Yên Thành và Bản án dân sự phúc thẩm số:35/2019/DSPT ngày 04/7/2019 của TAND tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài liệu liên quan đến thửa đất xác định thửa đất thửa đất số 313, tờ bản đồ số 113 xã P; Diện tích: 712m²; Địa chỉ thửa đất: xóm N, xã P là di sản của ông Lưu Xuân Y và bà Võ Thị B. Bà Võ Thị B lập di chúc để lại một nửa diện tích đất (Hướng Đông - Bắc giáp nhà anh L), trong tổng diện tích diện tích đất 712m² là quyền lợi của bà B cho ông Lưu Xuân Đ được thừa kế là đúng qui định pháp luật. Hình thức, nội dung của di chúc của bà Võ Thị B lập ngày 25/11/2014 tại phòng công chứng TT là đúng trình tự và hợp pháp, ông Đ yêu cầu chia cho ông được quyền sử dụng một nửa trong tổng diện tích diện tích đất 712m² (356m²) là đúng pháp luật, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Để xác định quyền thừa kế theo di chúc của bà B, đồng thời làm căn cứ để khi đương sự đến cơ quan hành chính nhà nước làm thủ tục đối với diện tích đất mà

bà B cho ông Đ được hưởng thừa kế, cần tách thửa đất số 313, tờ bản đồ số 113 xã P; Diện tích: 712m²; Địa chỉ thửa đất: xóm N, xã P ra hai thửa. Thửa đất 313A có diện tích 356m² và thửa đất 313B có diện tích 356 m², trong đó thửa đất 313B (hướng Đông Bắc giáp nhà anh L) là di sản của bà B cho ông Đ được thừa kế theo bản di chúc lập ngày 25/11/2014. Thửa đất 313A có diện tích 356 m² còn lại giáp thửa đất 313B và những tài sản trên thửa đất gồm nhà cấp 4, nhà bếp, cây cối, 04 ống cống đúc xi măng đựng nước là di sản của ông Y, bà B, tài sản của ông Q. Số tài sản này không có người nào yêu cầu tòa án phân chia, giải quyết nên tòa không xem xét đối với thửa đất 313A có diện tích 356 m² và các tài sản trên đất.

[4] Đối với những tài sản trên phần đất mà ông Đ được hưởng thừa kế theo di chúc (Cạnh Tây - Bắc của phần đất) gồm Hàng rào xây tấp lô dài 10,73m x cao 1,5m x 91.000 đ/m² = 1.464.645 đồng; Móng đá dài 15,43m x cao 1m x rộng 0,3m x 648.000 đ/m³ = 2.999.592 đồng; 02 trụ cổng x 1.000.000đ/ trụ = 2.000.000 đồng; Cổng sắt rộng 3,9m x cao 2,4m x 200.000 đ/m² = 1.872.000 đ là tài sản do ông Lưu Xuân Q xây dựng. Do số tài sản này được xây dựng trên phần đất ông Đ được hưởng thừa kế, khi xây không có tranh chấp, nên buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ phải thanh toán giá trị tài sản những tài sản nêu trên cho ông Lưu Xuân Q. Ngoài ra trên diện tích đất ông Đ được hưởng thừa kế có trồng 05 cây Cau trong đó 03 cây “Cau Cao”, 02 cây “Cau Lùn”, 01 Cây “Dừa”. Số cây này xem như là tài sản của bà B gắn liền với đất ông Đ hưởng thừa kế, nên cần giao cho ông Đ được sở hữu.

[4] Xử lý tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn nộp 3.400.000 đồng lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Số tiền này Tòa án đã chi phí hết, nguyên đơn tự nguyện chịu trách nhiệm chi phí này, nên không xem xét trách nhiệm nghĩa của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản nêu trên.

[5] Về án phí: Xét thấy ông Lưu Xuân Đ là người cao tuổi, gia đình thuộc hộ nghèo, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn có Đơn yêu cầu xin được miễn án phí là đúng có cơ sở. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 329/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho ông Lưu Xuân Đ và người kế thừa nghĩa vụ của nguyên đơn.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 624, 625, 626, 627, điểm 3 Điều 628; điểm a, b khoản 1 Điều 630 và Điều 631 của Bộ luật dân sự.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Xuân Đ về tranh chấp chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc.

Chia cho ông Lưu Xuân Đ được quyền sử dụng thửa đất 313B, có diện tích sử dụng $356m^2$ trong đó có $100m^2$ đất ở $\times 2.000.000 \text{ đ}/m^2 = 200.000.000$ đồng; Đất trồng cây lâu năm $256m^2 \times 1.000.000 \text{ đ}/m^2 = 256.000.000$ đ, thuộc tờ bản đồ số 13 xã P; Địa chỉ thửa đất: xóm N, xã P, huyện Y, theo bản di chúc do bà Võ Thị B lập ngày 25/11/2014 tại phòng công chứng TT có giới cận như sau:

- Cạnh phía Đông - Nam giáp thửa đất 333 dài 23m
- Cạnh phía Tây- Bắc giáp thửa đất 313A dài 23,01m
- Cạnh phía Tây -Nam giáp đất nông nghiệp thửa đất 312 dài 15.50m
- Cạnh phía Tây - Bắc giáp đường xóm dài 15,43 m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Giao phần đất của ông Đ(đã chết) được hưởng thừa kế theo di chúc của bà Võ Thị B cùng giá trị Hàng rào xây tấp lô trị giá 1.464. 645 đồng; Móng đá hàng rào trị giá 2.999.592 đồng , 02 trụ cổng trị giá 2.000.000 đồng; 02 cánh cổng sắt trị giá 1.872.000 đồng; 05 cây cau (trong đó 03 cây Cau Cao, 02 cây Cau Lùn) và 01 cây dừa trồng trên phần đất của ông Đ được thừa kế cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lưu Xuân Đ gồm bà Võ Thị Q(vợ ông Đ), chị Lưu Thị C, chị Lưu Thị B, anh Lưu Đức T, chị Lưu Thị T(các con của ông Đ) quản lý và đăng ký quyền sử dụng tài sản thừa kế theo qui định của pháp luật.

Buộc: Bà Võ Thị Q, chị Lưu Thị C, chị Lưu Thị B, anh Lưu Đức T, chị Lưu Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lưu Xuân Đ những tài sản xây dựng trên phần đất ông Đ được hưởng thừa kế (Cạnh Tây Bắc) tổng số tiền là 8.336.237đ(Tám triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án(đối với khoản tiền người thi hành án phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền phải thi hành án, theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

-Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 329/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho ông Lưu Xuân Đ.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Thành
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu hồ sơ vụ án
- TAND tỉnh Nghệ An
- UBND xã P(Nơi xảy ra tranh chấp).
- Các đương sự.
- Lưu VP TA

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc